

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03-7-2024

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hoài Sơn;

2. Ông Lý Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 11-3-2024 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị L; sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn K, xã X, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Bàn Tồn V (Bàn Tiến K), sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn K, xã X, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2024 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Bàn Thị L trình bày:

Chị và anh Bàn Tồn V (Bàn Tiến K) trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 02 năm 2014, tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại thôn K, xã X, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng

không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bàn Tồn V (Bàn Tiến K).

Về con chung: Chị L và anh V có hai người con chung, Bàn Dao T, sinh ngày 22/12/2013 và Bàn Dao H, sinh ngày 22/7/2018. Ly hôn chị L và anh V thỏa thuận giao anh V trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung. Chị L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/con. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Bàn Tồn V (Bàn Tiến K) nhưng anh V (K) không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Biên bản xác minh ngày 15 tháng 4 năm 2024 (bút lục số 34) trưởng thôn thôn K, xã X, huyện VY, tỉnh Yên Bái, cho biết: Anh Bàn Tồn V (Bàn Tiến K) và chị Bàn Thị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện VY, tỉnh Yên Bái ngày 17/02/2014, sau khi kết hôn anh V (K) và chị L sinh sống tại thôn K, xã X, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình sinh sống cùng nhau tại thôn K, xã X, chị L và anh V có xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp chị L có nhờ thôn hòa giải về quan hệ tình cảm vợ chồng nhưng anh V không đồng ý hòa giải. Thời gian gần đây anh V thường đi làm ăn xa ít về gia đình, chị L thường về bên gia đình bố mẹ để sinh sống. Về con chung chị L và anh V có hai người con chung Bàn Dao T, sinh ngày 22/12/2013 và Bàn Dao H, sinh ngày 22/7/2018, cháu T và cháu H hiện đang ở cùng chị L. Về tài sản chung, nợ chung chị L và anh V có hay không tôi không rõ. Chị Bàn Thị L xin ly hôn anh Bàn Tồn V (Bàn Tiến K) đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã X, huyện VY, tỉnh Yên Bái thì anh Bàn Tồn V hiện vẫn đăng ký hộ khẩu tại xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái.

* Tại phiên tòa anh Bàn Tồn V (Bàn Tiến K) trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn quá trình chung sống của vợ chồng như chị L đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng có bất đồng quan điểm sống, anh V (K) không tin tưởng chị L, anh V (K) cho rằng chị L có mối quan hệ tình cảm với người khác. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi cọ. Anh V (K) và chị L đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 03/2023 đến nay. Nay anh V (K) xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và anh V (K) không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh V (K) và chị L có hai con chung Bàn Dao T, sinh ngày 22/12/2013 và Bàn Dao H, sinh ngày 22/7/2018. Ly hôn anh V có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung

mỗi người con là 1.500.000 đồng/01 tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024.

Về tài sản chung, nợ chung: Yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Bàn Thị L được ly hôn anh Bàn Tồn V (Bàn Tiến K); về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị L và anh V (K) giao con chung Bàn Dao T, sinh ngày 22/12/2013 và Bàn Dao H, sinh ngày 22/7/2018 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/con, kể từ tháng 8/2024.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh V đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc đến nay, anh V đều không có yêu cầu, đề nghị gì. Do đó, căn cứ Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, cần giải quyết yêu cầu này bằng một vụ án khác.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 chị Bàn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị L và anh Bàn Tồn V (Bàn Tiến K) trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 02 năm 2014, tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Bàn Thị L và anh Bàn Tồn V (Bàn Tiến K) là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị L và anh V (K) tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Anh V (K) thường đi làm ăn xa ít có thời gian quan tâm, chăm sóc gia đình. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh V (K) nhiều lần nhưng anh V (K)

đều vắng mặt. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại địa phương trong quá trình chung sống chị L và anh V (K) có xảy ra mâu thuẫn chị L có nhờ thôn hòa giải nhưng anh V (K) không đồng ý hòa giải, anh V thường đi làm ăn xa, ít về gia đình, đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bàn Thị L.

[4] Về con chung: Chị L và anh V (K) có hai người con chung Bàn Dao T, sinh ngày 22/12/2013 và Bàn Dao H, sinh ngày 22/07/2018. Ly hôn chị L và anh V thỏa thuận giao anh V trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung và chị L cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận này của chị L và anh V.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng bị đơn anh V đều vắng mặt, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa xét xử ngày 18/6/2024 anh V cũng vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 03/7/2024, anh V có mặt và đưa ra yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung. Căn cứ Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng và triệu tập anh V nhiều lần nhưng anh V không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Do đó yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của anh V sẽ được Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Bàn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chị L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 200; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị L được ly hôn anh Bàn Tồn V (Bàn Tiến K).

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Bàn Thị L và anh Bàn Tồn V. Giao hai người con chung Bàn Dao T, sinh ngày 22/12/2013 và Bàn Dao H, sinh ngày 22/07/2018 cho anh Bàn Tồn V (Bàn Tiến K) trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T, cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị L cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu T, cháu H mỗi cháu là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024 đến khi cháu T, cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày anh V có đơn yêu cầu thi hành án mà chị L chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số AA/2023/0001011 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VY, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị Bàn Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Bàn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị L, anh Bàn Tồn V (Bàn Tiến K) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện VY;
- Thi hành án DS huyện VY;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương